

**HOẠT ĐỘNG XÁC LẬP, THỰC THI VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN
CỦA CHÚA NGUYỄN Ở VÙNG BIỂN TÂY NAM BỘ:
MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

Hoàng Văn Tuấn – NCS. Huỳnh Tâm Sáng

Trường Đại học Thủ Dầu Một

1. Chúa Nguyễn và hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ

Trải qua chiều dài lịch sử, vùng biển Tây Nam Bộ đã có những thay đổi nhất định về địa giới hành chính cũng như cương vực lãnh thổ. Trong quá khứ, vùng biển Tây Nam Bộ vốn thuộc vương quốc Phù Nam rồi đến Chân Lạp và sau đó là được họ Mạc quản lý. Lúc này, địa giới hành chính và cương vực của vùng biển Tây Nam Bộ được xác định từ Tây Bắc Tân An qua Cai Lậy, Sa Đéc, Cần Thơ, Long Mỹ, Rừng Đá đến phía Đông Rạch Giá, dọc theo đường bờ biển là hệ thống các cánh rừng ngập mặn trù phú¹. Trong thời kỳ các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (từ TK XVII đến TK XIX), vùng biển Tây Nam Bộ “bao gồm toàn bộ vùng bờ biển, mặt nước, đảo và quần đảo ngoài khơi thuộc quyền kiểm soát của trấn Hà Tiên và dinh Long Hồ (thế kỷ XVIII), trấn Vĩnh Thanh và trấn Hà Tiên thời vua Gia Long và từ thời vua Minh Mạng thứ 13 (1832) trở đi thuộc địa phận cai quản của các tỉnh Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên”².

Hiện nay, vùng biển Tây Nam Bộ là một bộ phận nằm trong vịnh Thái Lan thuộc vùng biển của 7 tỉnh: Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau. Gồm quần đảo “Hòn Khoai (5 đảo), Thổ Chu (8 đảo), An Thới (15 đảo), Hải Tặc (12 đảo), Bà Lụa (35 đảo), Cù Tron (20 đảo)”³, và các đảo như: Hòn Chuối, Hòn Bông, cụm hòn Đá Bạc... Với vị trí thuận lợi cho các hoạt động hải thương và sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, vùng biển Tây Nam Bộ từ rất sớm đã giữ vị trí khá quan trọng đối với sự phát triển của nhiều quốc gia phong kiến, đặc biệt là đối với chính quyền Đàng Trong, Chân Lạp và Xiêm La từ cuối thế kỷ XVII. Chính vì tầm quan trọng của vùng biển này mà trong suốt nửa đầu thế kỷ XVIII, Xiêm La không ngừng có những toan tính chính trị và quân sự nhằm giành quyền kiểm soát và làm chủ vùng biển này từ tay chính quyền Đàng Trong. Theo đó, quan hệ giữa chính quyền Đàng Trong với Xiêm La luôn thường trực những căng thẳng.

Với tầm nhìn chiến lược, chúa Nguyễn đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của vùng biển Tây Nam Bộ trong quá trình “*Nam tiến*”, đặc biệt là đối với sự phát triển của chính quyền Đàng Trong. Đặc biệt, từ cuối thế kỷ XVII, xuất phát từ mục đích bảo vệ những vùng lãnh thổ vừa xác

¹ Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2009), *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, tr. 37.

² Trần Thị Mai, “Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (thế kỷ XVII – XIX)”, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, Tập 16, số X1 – 2013, tr. 76.

³ Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 69-70.

lập chủ quyền trên bộ trước sự nhòm ngó của các thế lực phong kiến lân bang phía Tây Nam và nhu cầu tài chính để đối trọng lại với chính quyền Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn đã chú trọng đến vị trí vùng đệm và tiềm năng kinh tế to lớn của vùng biển Tây Nam Bộ. Vùng biển Tây Nam Bộ càng trở nên quan trọng hơn cho sự nghiệp kiến lập một thể chế chính trị độc lập với Đàng Ngoài của các chúa Nguyễn. Vì lẽ đó, kiểm soát và làm chủ vùng Biển Tây Nam Bộ đã trở thành vấn đề cấp bách đặt ra cho chính quyền Đàng Trong. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, chính quyền Đàng Trong đã không thể tiến hành ngay hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền đối với vùng biển Tây Nam Bộ. Và phải đến đầu TK XVIII, chính quyền Đàng Trong mới chính thức tiến xuống vùng Tây Nam Bộ để tiến hành hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền đối với vùng biển này.

Đáng chú ý là năm 1708 – khi Mạc Cửu dâng toàn bộ vùng đất và biển đảo Hà Tiên cho chính quyền Đàng Trong. Đây là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cả chúa Nguyễn và Mạc Cửu. Nhờ vào chúa Nguyễn, Mạc Cửu sẽ có thêm tiền đồn vững chắc để chống lại mối đe dọa từ Xiêm La, bảo vệ được vùng đất mới xác lập được chủ quyền. Với chúa Nguyễn, đây là bàn đạp để các chúa mở mang bờ cõi về phương Nam⁴, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy chính quyền Đàng Trong giành quyền làm chủ cả trên đất liền lẫn vùng biển và các hải đảo Tây Nam Bộ.

Sau khi tiếp nhận vùng Hà Tiên, với những chính sách nhất quán và mềm dẻo có nguyên tắc, chính quyền Đàng Trong đã cùng với dòng họ Mạc ở Hà Tiên tiến hành đẩy nhanh hoạt động xác lập chủ quyền đối với vùng biển Tây Nam Bộ từ đầu đến cuối thế kỷ XVIII. Kết quả là thông qua con đường ngoại giao và chuyển nhượng, chúa Nguyễn không những đã lần lượt kiểm soát và làm chủ được hầu hết các vùng đất Tây Nam Bộ mà còn làm chủ được gần như toàn bộ vùng biển đảo Tây Nam trong vịnh Thái Lan một cách “hòa bình, hợp tình, hợp lý”. Tiêu biểu là sự kiện năm 1756, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên đã xin hiến đất hai phủ Tầm Bôn, Lôi Lạp cho chúa Nguyễn để chuộc tội 3 năm về trước đã chưa nộp lễ cống; và sự kiện năm 1757, để trả ơn chúa Nguyễn đã giúp mình lên ngôi vua, Nặc Nhuận hiến dâng vùng đất Trà Vang (nay là Trà Vinh và Bến Tre) và Ba Thắc (nay là Sóc Trăng và Bạc Liêu) cho chúa Nguyễn⁵, sau đó chúa Nguyễn tiếp tục tiếp nhận vùng đất Tầm Phong Long (tương đương với vùng tứ giác Long Xuyên ngày nay) từ Nặc Tôn⁶. Đến khoảng thời gian này, khu vực quản lý trực tiếp của chính quyền Đàng trong ở Tây Nam Bộ gồm một khoảng không gian rộng lớn kéo dài từ biên giới Việt – Campuchia, chạy dọc theo sông Tiền và sông Hậu xuống tới Trà Vang, Ba Thắc. Như vậy, so với lãnh thổ miền Tây Nam Bộ hiện nay thì đến đây chính quyền Đàng Trong dường như đã làm chủ được toàn bộ vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Cũng trong năm 1757, chúa Nguyễn lại tiếp nhận

⁴ Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, tr. 326.

⁵ Nguyễn Văn Hầu, “Sự thôn thuộc và khai thác đất Tầm Phong Long” trong Nhiều tác giả, “Nam tiến của dân tộc Việt Nam”, *Tập san Sử địa*, số 19 & 20, tháng 7 đến 12/1970, tr. 9.

⁶ Vũ Minh Giang, “Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ*, Số 8 (96) – 2006, tr. 46-53.

thêm năm phủ phía Tây trấn Hà Tiên từ Chân Lạp là “Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình”⁷.

Song song với hoạt động xác lập chủ quyền, chúa Nguyễn và họ Mạc cũng nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược bảo vệ và thực thi chủ quyền đối vùng biển Tây Nam Bộ. Việc làm trước tiên mà chúa Nguyễn và họ Mạc quan tâm thực hiện trong chiến lược bảo vệ chủ quyền đối với vùng biển này là xây dựng lực lượng quân sự và hệ thống phòng thủ đồn lũy. Theo đó, họ Mạc dưới sự hậu thuẫn của chúa Nguyễn đã xây dựng những bức thành lũy tương đối vững chắc, gồm hai vòng bảo vệ: vòng một là các thành lũy ven bờ và biên giới; vòng thứ hai là trên các đảo gần bờ. Ở các đảo xa bờ như Phú Quốc, Thổ Chu họ Mạc cho xây dựng lực lượng quân đội và đồn lũy ngay trên đảo để phòng vệ. Về phần chúa Nguyễn, chúa Nguyễn cũng đã không ngừng tăng cường hỗ trợ quân sự, khí giới cho họ Mạc, qua đó giúp họ Mạc thực hiện tốt hơn công việc phòng thủ. *Đại Nam liệt truyện tiền biên* cũng ghi nhận Mạc Cửu đã “...dựng thành quách, lập doanh ngũ, đặt tiêu cá, làm nhiều nhà khách để đón tiếp hiền tài. Dân đến ở ngày càng đông, Hà Tiên trở thành một đô hội nhỏ”⁸. Bên cạnh việc xây dựng thành lũy, việc tổ chức quân đội cũng được Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ chú ý xây dựng, đặc biệt là lực lượng thủy quân. Các hoạt động tuần tra vùng biển đảo Tây Nam Bộ từ Hà Tiên đến mũi Cà Mau và nơi xa nhất là đảo Phú Quốc được diễn ra thường xuyên. Đó là đội “Tuần hải”⁹, có nhiệm vụ “Đánh bắt cướp biển... phát hiện, đánh đuổi các tàu nước ngoài do thám, can thiệp”¹⁰.

Nhờ thiết lập được hệ thống công sự và quân đội phòng thủ vững chắc, từ năm 1708 đến cuối thế kỷ XVIII, Hà Tiên đã vượt qua được những biến cố của lịch sử, đối phó được với những âm mưu phá hoại của các thế lực chống phá từ bên trong lẫn bên ngoài. Đặc biệt là nhiều lần chính quyền Hà Tiên đã đánh bại sự xâm lấn của quân Xiêm, nạn quấy nhiễu, hoành hành của hải tặc, bảo vệ thành công thành quả đã đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển. Đồng thời, quá trình đấu tranh chống sự can thiệp của Xiêm La cũng khẳng định được sức mạnh về mặt quân sự và quan hệ mật thiết giữa họ Mạc ở Hà Tiên với chính quyền Đàng Trong. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm rằng hoạt động bảo vệ, gìn giữ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ trước hoạt động tấn công quân sự của các nước phong kiến láng giềng (đặc biệt là phong kiến Xiêm La) diễn ra rất bần bĩ với nhiều khó khăn, phức tạp.

Một việc làm nữa cũng không kém phần quan trọng được chúa Nguyễn và họ Mạc quan tâm thực hiện trong chiến lược thực thi, bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ là thiết lập các đơn vị hành chính và bộ máy cai quản. Sau khi xác lập được chủ quyền đến đâu, chúa Nguyễn và họ Mạc sẽ ngay lập tức thiết lập các đơn vị hành chính và xây dựng bộ máy chính quyền cai quản đến đấy, nhằm khẳng định quyền làm chủ cũng như khả năng thực thi chủ quyền đối với những

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1, (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 166.

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập 1 (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.174.

⁹ Li Tana (1999), *Xứ Đàng trong – lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 73.

¹⁰ Nguyễn Việt (chủ biên) (1983), *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 280.

vùng lãnh thổ ấy¹¹. Theo đó, đến cuối thế kỷ XVIII, nhiều đơn vị hành chính cả trên đất liền lẫn hải đảo Tây Nam Bộ đã được họ Mạc và các chúa Nguyễn thiết lập nên: gồm đạo Kiên Giang ở vùng Rạch Giá và đạo Long Xuyên ở vùng Cà Mau. Mỗi nơi đặt một viên quan quản đạo và viên chức cai trị. Những đơn vị hành chính cấp cơ sở dưới đạo thuộc trấn Hà Tiên cũng được ghi nhận như các thôn (của người kinh), phố sớ (của người Hoa), sóc (của người Khmer), đội (của người Chà Và). Đạo Long Xuyên có 12 thôn (An Hoài, Vĩnh Thịnh, Phú Đông, Cẩm Sơn...) và một thuộc của người Hoa ở đảo Phú Quốc¹². Những cư dân sinh sống ven biển, các đảo trong vùng Tây Nam vịnh Thái Lan đều phải tuân thủ những quy định về mặt pháp luật của chính quyền Đàng Trong lúc đó như: đi lính, thuế đinh, các loại thuế nghề nghiệp khác...

Ngoài những hoạt động trên, chính quyền Đàng Trong và họ Mạc cũng không quên khẳng định chủ quyền đối với vùng biển Tây Nam Bộ thông qua hoạt động khai thác những tiềm năng của vùng biển này. Đây là một hình thức khẳng định chủ quyền được chúa Nguyễn và họ Mạc quan tâm thực hiện triệt để. Bởi lẽ, bên cạnh việc khẳng định quyền làm chủ, chúa Nguyễn còn thu về cho mình những nguồn lợi kinh tế to lớn.

Có thể nói, với việc triển khai linh hoạt cùng một lúc nhiều việc làm và chính sách trong từng “hoàn thời” cụ thể như: (i) sử dụng lực lượng thuần phục trong việc quản lý, bảo vệ chủ quyền; (ii) xác lập chủ quyền bằng con đường ngoại giao hòa bình; (iii) kết hợp chặt chẽ và triển khai đồng thời các hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền với nhau. Chính quyền Đàng Trong đã từng bước làm chủ được các vùng biển đảo Tây Nam Bộ và chạm đích thành công ở cuối thế kỷ XVIII. Đặc biệt, những việc làm và chính sách đó sẽ là những bài học kinh nghiệm quý báu có giá trị tham khảo sâu sắc cho sự phát triển của đất nước.

2. Một số bài học kinh nghiệm

Cho đến nay, quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn đã lùi xa nhiều thế kỷ. Thế nhưng, những nỗ lực của các chúa Nguyễn trong việc xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền đối với vùng biển này đã để lại cho đất nước nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo sâu sắc. Trong bài viết này, chúng tôi cho rằng những bài học cơ bản về (i) phương thức xác lập chủ quyền, (ii) nắm bắt cơ hội, (iii) trọng dụng nhân tài, (iv) tính logic của chuỗi hoạt động “xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền” hàm chứa nhiều giá trị lịch sử và thời đại.

Nhìn chung, công cuộc xác lập chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ được chúa Nguyễn thực hiện dưới hai phương thức chính là “*chiếm hữu*” và “*chuyển nhượng*”. Thông qua hai phương thức này, đến cuối thế kỷ XVIII, chính quyền Đàng Trong không những đã làm chủ được hầu hết các vùng đất ở Tây Nam Bộ mà còn kiểm soát được gần như toàn bộ vùng biển đảo Tây Nam trong vịnh Thái Lan một cách hòa bình, phù hợp với luật pháp hiện hành.

¹¹ Trần Thị Mai, "Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (thế kỷ XVII – XIX)", Tlđđ, tr. 78.

¹² Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr. 124.

Phương thức *chuyển nhượng* được chúa Nguyễn thực hiện phần lớn thông qua hoạt động ngoại giao, đồng thời cũng có sự hỗ trợ nhất định của yếu tố quân sự để việc tiếp nhận được diễn ra thuận lợi hơn. Dựa vào việc giúp đỡ các vị vua Chân Lạp, chúa Nguyễn đã lần lượt tiếp nhận từ Chân Lạp nhiều vùng lãnh thổ khác ở miền Tây Nam Bộ trên tinh thần “*chuyển nhượng tự nguyện*” của nhà nước phong kiến này từ sau sự kiện 1708. Đồng thời, thông qua quan hệ (nhìn chung) khá tốt đẹp với Chân Lạp, chính quyền Đàng Trong cũng hạn chế được mức tối đa những cuộc xung đột với Xiêm La và sự can thiệp của Xiêm La và Chân Lạp, gây ảnh hưởng đến quá trình xác lập chủ quyền biển đảo Tây Nam Bộ. Ở một góc độ khác, yếu tố quân sự cũng có vai trò nổi bật như “*chất xúc tác*” có ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn.

Song song đó, phương thức *chiếm hữu* cũng được chính quyền Đàng Trong áp dụng trong quá trình xác lập chủ quyền vùng Tây Nam Bộ bằng những nỗ lực khá đa dạng và linh hoạt như: khai phá đất đai một cách hòa bình, “dân đi trước nhà nước theo sau”, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, gắn kết các tộc người bằng văn hóa và chính sách trọng dụng nhân tài... Kết quả là, chính quyền Đàng Trong đã thu được những kết quả khả quan trong quá trình xác lập chủ quyền vùng Tây Nam Bộ. Đáng chú ý là, chính quyền Đàng Trong đã có những điều kiện thuận lợi nhất định để thiết lập các đơn vị hành chính ở Tây Nam Bộ, nhận được sự giúp sức đắc lực của dòng họ Mạc, tạo điều kiện cho các nền văn hóa có điều kiện tiếp xúc, dung hòa lẫn nhau và thúc đẩy sự chung sống hòa bình giữa các tộc người: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm...

Với việc thực hiện linh hoạt hai phương thức trên cùng sự xúc tác của một số yếu tố khác, chính quyền Đàng Trong đã xác lập và khẳng định chủ quyền lãnh thổ của mình đối với toàn bộ vùng đất và biển đảo Tây Nam Bộ một cách hòa bình và phù hợp với luật pháp hiện hành. Đây là điều mà các triều đại trước đó vì những nguyên nhân và lý do khách quan lẫn chủ quan đã chưa làm được trong quá trình “*Nam tiến*”.

Cùng với các phương thức xác lập chủ quyền thì sự nhạy bén trong việc nắm bắt cơ hội cũng mang lại những thuận lợi cho chính quyền Đàng Trong. Từ rất sớm, các chúa Nguyễn đã ý thức được tầm quan trọng của Tây Nam Bộ đối với sự phát triển của chính thể. Chính vì vậy, trong suốt quá trình “*Nam tiến*”, chúa Nguyễn luôn tìm cách tạo mối quan hệ hòa hợp với chính quyền Chân Lạp, để từ đó tìm cơ hội thuận lợi tiến xuống vùng Tây Nam Bộ nhằm xác lập và thực thi chủ quyền ở vùng lãnh thổ này một cách hợp pháp. Năm 1620, công nương Ngọc Vạn kết hôn cùng vua Chân Lạp Chey Chetta II (1618 – 1627) đã tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền Đàng Trong tiến xuống vùng Tây Nam Bộ. Với sự kiện này, ngoài việc thiết lập được mối quan hệ chính trị - ngoại giao bền chặt với chính quyền Chân Lạp, mở được hai trạm thu thuế ở Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé) (1623), thì việc tìm ra phương hướng thuận lợi để tiến xuống miền Tây Nam Bộ xác lập chủ quyền vẫn còn là một vấn đề chưa thuận tiện với chính quyền Đàng Trong lúc bấy giờ.

Trong lúc đó, năm 1708 vì một số nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, Mạc Cửu – người làm chủ vùng Hà Tiên lúc đó đã đem dâng toàn bộ vùng đất và biển đảo Hà Tiên cho chính quyền Đàng Trong. Nhận thấy đây là điều kiện thuận lợi để tiến xuống vùng Tây Nam Bộ

xác lập chủ quyền, chúa Nguyễn đã chấp thuận và đặt vùng đất này thành trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu là Tổng binh. Với việc tiếp nhận Hà Tiên, chính quyền Đàng Trong không những có thêm được một vùng lãnh thổ rộng lớn ở miền Tây Nam Bộ mà sau đó còn tạo cơ hội để nhiều vùng đất khác của Chân Lạp lần lượt được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong. Mặt khác, chúa Nguyễn còn có được thêm sự giúp sức hết sức lớn lao của dòng họ Mạc trong việc xác lập chủ quyền, quản lý, bảo vệ vùng biển Tây Nam Bộ, đưa vùng Hà Tiên đi đến sự phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, chỉ trong vòng gần một thế kỷ (đầu TK XVIII đến cuối TK XVIII) chúa Nguyễn đã nhanh chóng mở mang bờ cõi trên toàn bộ vùng Tây Nam Bộ - cả trên đất liền và các vùng hải đảo rộng lớn trên Biển Đông.

Giả sử chính quyền Đàng Trong vì một số yếu tố nào đó đã khước từ hay bỏ lỡ thành ý của Mạc Cửu (1708) thì ý định tiến xuống vùng Tây Nam Bộ để thực hiện công cuộc xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn liệu có thành công hay không (?). Và phải mất bao lâu để có thể hoàn tất quá trình xác lập chủ quyền trên vùng lãnh thổ này (?). Lịch sử đã qua, không ai có thể khẳng định hay nhận định đầy đủ về những ý nghĩa xung quanh những giả định trên. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng chính nhờ hành động dâng đất của Mạc Cửu và việc nắm bắt cơ hội của chính quyền Đàng Trong mà quá trình “*Nam tiến*” của Đại Việt được hoàn thành. Sự kiện năm 1708 đã tạo cơ sở quan trọng để công cuộc xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn trên toàn bộ vùng đất và biển đảo Tây Nam Bộ được hoàn tất chỉ trong khoảng thời gian chưa đầy một thế kỷ.

Về lý mà nói, sau khi Hà Tiên được sáp nhập vào Đàng Trong thì Hà Tiên sẽ chịu sự quản lý chặt chẽ của chúa Nguyễn. Thế nhưng trên thực tế chúa Nguyễn đã không trực tiếp quản lý khu vực này mà đã giao toàn bộ quyền hành quản lý cũng như bảo vệ vùng Hà Tiên cho dòng họ Mạc, và giữ mối quan hệ cống nạp với tục lệ ba năm một lần đại cống nạp¹³. Có thể nói, việc chính quyền Đàng Trong giao phó trách nhiệm quản lý Hà Tiên cho họ Mạc đã thể hiện sự sáng suốt và nhãn quan nhìn nhận con người của chúa Nguyễn. Một trong những yếu tố khiến chúa Nguyễn tin tưởng và giao phó trách nhiệm quản lý vùng Hà Tiên cho dòng họ Mạc chính là tài năng và sự trung thành của Mạc Cửu và sau đó là Mạc Thiên Tứ.

Với tài năng của mình, Mạc Cửu không chỉ nhận được sự tin cậy của chính quyền Đàng Trong mà trước đó trong suốt khoảng thời gian sinh sống tại Chân Lạp và Xiêm La, ông cũng đã sớm lấy được lòng tin của vua Chân Lạp và sự yêu quý của Quốc vương Xiêm La. Đây là những nhân tố đầu tiên có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến nhìn nhận của chúa Nguyễn về họ Mạc. Hay nói cách khác, ấn tượng tốt về kinh nghiệm tổ chức quản lý của Mạc Cửu là cơ sở góp phần giúp chính quyền Đàng Trong hạ quyết tâm chọn họ Mạc như là nhân tố đắc lực để hỗ trợ tích cực cho việc quản lý, bảo vệ vùng Hà Tiên. Trong lúc chúa Nguyễn chưa có đủ điều kiện thuận lợi để trực tiếp quản lý vùng lãnh thổ này thì việc lựa chọn Mạc Cửu là một phương cách hợp lý và sáng suốt.

Sau khi đến sinh sống và xây dựng Mang Khảm (sau là Hà Tiên) thành một vùng đất khá ổn định thì Mạc Cửu đã dâng toàn bộ vùng đất này cho chính quyền Đàng Trong và được chúa Nguyễn

¹³ Lê Dân, “Nam Hà tiếp lục”, bản dịch của Trần Đại Vinh, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 3 – 4 (92 – 93), 2012, tr. 48.

chấp thuận. Căn cứ vào những lý do thôi thúc Mạc Cửu chọn chúa Nguyễn để nương nhờ có thể giúp nhìn nhận đầy đủ hơn về tài trí của ông. Điều cần khẳng định trước tiên là tính nhạy bén trước thời cuộc của Mạc Cửu. Đầu thế kỷ XVIII, Hà Tiên đã trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm của chính quyền Đàng Trong, Chân Lạp và Xiêm. Nhận thức rõ cơ nghiệp mà bản thân dày công xây dựng đang bị đe dọa, Mạc Cửu đã tìm đến chính quyền Đàng Trong để nương nhờ khi bản thân không đủ khả năng bảo vệ. Việc Mạc Cửu dâng toàn bộ vùng Hà Tiên cho chúa Nguyễn mà không phải cho Xiêm La còn cho thấy nhận thức khá đầy đủ của Mạc Cửu về tương quan quyền lực giữa Chân Lạp, Xiêm La và chính quyền Đàng Trong.

Với sự nhạy bén thời cuộc, chúa Nguyễn dễ dàng nhận ra tài năng của Mạc Cửu. Cùng với việc hiểu rõ Hà Tiên là vùng lãnh thổ được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của dòng họ Mạc hàng thập kỷ trước khi chúa Nguyễn với tay tới; là một vùng đất mà chính quyền Đàng Trong mới thiết lập được hệ thống hành chính lại xa trung tâm của chính quyền ở Phú Xuân, nên nhà nước chưa thể hoàn toàn thuận lợi để quản lý trực tiếp. Mặt khác, Hà Tiên là vùng đất rộng lớn, hoang vu, dân cư còn thưa thớt. Chính trong bối cảnh đó, chính quyền Đàng Trong cần có những biện pháp linh hoạt và hiệu quả để quản lý Hà Tiên. Cũng cần chú ý rằng nếu so về tiềm lực kinh tế - quân sự với chính quyền Đàng Ngoài thì chính quyền Đàng Trong cũng không chiếm ưu thế quá rõ rệt. Việc điều động quân dân khai thác vùng Hà Tiên sẽ khiến lực lượng quân sự Đàng Trong có nhiều khả năng bị phân tán ảnh hưởng. Ngoài Sài Gòn – Bến Nghé, Đồng Nai, Mỹ Tho... thì còn nhiều khu vực trên vùng đất Nam Bộ mà chính quyền Đàng Trong vẫn chưa kiểm soát được. Vì lẽ đó mà khả năng khai thác vùng đất và biển đảo Hà Tiên sẽ vướng phải nhiều khó khăn và thách thức.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn và nhân tố con người, chính quyền Đàng Trong đã tin tưởng giao phó trách nhiệm quản lý vùng Hà Tiên cho dòng họ Mạc. Sau khi Mạc Cửu qua đời, con trai của ông là Mạc Thiên Tứ được chúa Nguyễn cho lên thay cha làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Thêm nữa, yếu tố tình cảm càng củng cố thêm cho việc chúa Nguyễn trọng dụng dòng họ Mạc. Vì người vợ đầu không có con trai nên đến năm 1710, Mạc Cửu cưới thêm một người vợ Việt là Bùi Thị Lắm sinh ra Mạc Thiên Tứ. Vì vậy, Mạc Thiên Tứ được coi là “con lai” giữa Mạc Cửu và Bùi Thị Lắm. Mang trong mình dòng máu của người Việt, việc Mạc Thiên Tứ đem tài năng dựng xây quê hương xứ sở là hoàn toàn phù hợp với đạo lý tự nhiên. Xuất phát từ góc tình cảm và những gì Mạc Cửu đã cống hiến cho vùng đất Hà Tiên, chúa Nguyễn càng có cơ sở để tin tưởng và trọng dụng Mạc Thiên Tứ.

Đáp lại sự tin tưởng và trọng dụng của chính quyền Đàng Trong, Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đã hết lòng trung thành và giúp sức cho chúa Nguyễn trong quá trình xác lập và thực thi chủ quyền vùng Tây Nam Bộ. Có thể nói, dòng họ Mạc đã có những đóng góp thiết thân cho sự tồn vong và phát triển của vùng biển Tây Nam Bộ. Đặc biệt, Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đã hỗ trợ tích cực cho chúa Nguyễn trong việc quản lý và bảo vệ toàn vẹn vùng Hà Tiên trước các thế lực phong kiến láng giềng, trấn áp nạn cướp biển đang hoành hành trên vùng biển Tây Nam Bộ, góp phần

đưa Hà Tiên đi vào ổn định, kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ¹⁴. Kết quả này, trước tiên chứng minh cho tài năng của dòng họ Mạc khi đã không phụ kỳ vọng và sự giao phó của chúa Nguyễn. Đồng thời, sự phát triển của Hà Tiên cũng khẳng định nhãn quan sắc bén của chính quyền Đàng Trong trong việc “phát hiện, lựa chọn và trọng dụng” người tài.

Trong lịch sử, đã có nhiều triều đại đã thành công trong hoạt động “*xác lập chủ quyền*” ở những vùng lãnh thổ mới. Tuy nhiên, nhiều triều đại lại không tiến hành hoạt động “*thực thi và bảo vệ*” để khẳng định quyền làm chủ; hoặc có chăng thì những hoạt động đó cũng không được quan tâm đúng mức dẫn đến những biểu hiện của nó là khá mờ nhạt. Sự thiếu vắng của hoạt động thực thi và bảo vệ khiến những vùng lãnh thổ mới được xác lập chủ quyền dần bị các thế lực khác thôn tóm. Mối tương tác quyền lực giữa vương quốc Phù Nam và Chân Lạp là một ví dụ sinh động. Sự suy yếu và từng bước tan rã của vương quốc Phù Nam đã tạo điều kiện cho Chân Lạp chiếm một phần lãnh thổ của đế chế này (tương đương với Nam Bộ của Việt Nam ngày nay). Mặc dù đã chiếm hữu được một vùng đất rộng lớn nhưng trên thực tế chính quyền Chân Lạp đã không thực thi quyền lực về mặt hành chính lẫn quân sự thể hiện ý thức bảo vệ, quản lý lãnh thổ, dân cư và kinh tế trong vùng lãnh thổ này. Vì vậy, phần lớn lãnh thổ của Phù Nam trước đây đặt dưới sự quản lý của chính quyền Chân Lạp từng bước trở nên hoang vu và về cơ bản không có gì khác trước¹⁵. Trải qua nhiều biến cố thì vùng đất này dần được sáp nhập vào lãnh thổ của chính quyền Đàng Trong. Cho đến năm 1757 thì biên giới Tây Nam Việt Nam về cơ bản đã được xác lập.

Vượt qua những hạn chế trên, chính quyền Đàng Trong dưới sự giúp sức của họ Mạc đã thực hiện chặt chẽ và đồng thời hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam Bộ. Sau khi tiếp nhận toàn bộ Hà Tiên, chính quyền Đàng Trong và họ Mạc đã tạo những điều kiện thuận lợi để các cộng đồng dân cư đến sinh sống hoà bình và làm ăn ngày một đông đúc. Theo sau đó, hoạt động thiết lập các đơn vị hành chính, làng mạc, cắt cử quan lại cai quản cũng được thực hiện. Đồng thời, dưới sự quan tâm và hậu thuẫn của chúa Nguyễn, họ Mạc đã thành công trong việc đẩy lùi những cuộc tiến công của Xiêm La, dẹp yên nạn cướp biển trên các vùng biển đảo. Trên cơ sở đó, Hà Tiên nói riêng và Tây Nam Bộ nói chung ngày càng đi vào ổn định, nhân dân an tâm sinh sống và làm ăn. Hà Tiên dần đi đến phồn thịnh, chủ quyền lãnh thổ được bảo vệ toàn vẹn. Những dấu ấn phát triển của Hà Tiên là thành quả của việc thực hiện một cách đồng bộ các hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền.

¹⁴ Ngoài ra, sự phát triển và tính phong phú của Hà Tiên đã được sách *Thanh triều Văn hiến thông khảo* mô tả: “Nước này có nhiều núi cao, địa hạt khoảng 100 dặm vuông. Thành và các cung thất làm bằng gỗ không khác Trung Quốc mấy. Chỗ vua ở xây bằng gạch ngói. Chế độ trang phục phảng phất các vua đời trước, búi tóc, đi vông, chít khăn, đội mũ. Vua mặc áo bào vẽ trăn rắn, lưng thắt đai dài, giày dép bằng da. Dân mặc áo vạt cổ rộng. Khi có tang thì mặc đồ màu trắng, bình thường thì áo nhiều màu... Họ gặp nhau thì chấp hai tay chào theo lễ. Phong tục nước này ham chuộng thơ văn, trong nước có dựng đền thờ Khổng Tử. Vua và dân đều đến lễ...”. *Thanh triều Văn hiến thông khảo*, quyển 297, Tứ dư 5, tr. 7463 dẫn lại từ Vũ Minh Giang (chủ biên) (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, tr. 32-33.

¹⁵ Ngô Văn Lệ, “Vùng đất Hà Tiên và việc mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ”, Tạp chí *Đại học Thủ Dầu Một*, Số 1 – 2011, tr. 19.

3. Tạm kết

Việc xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền ở vùng biển Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn thành công đã hoàn tất khâu cuối cùng trong hành trình mở rộng lãnh thổ về phương Nam của người Việt trong nhiều thế kỷ trước đó. Vì lẽ đó, thành quả này có ý nghĩa hết sức to lớn không chỉ đối với chính quyền Đàng Trong lúc bấy giờ mà còn cho cả dân tộc Việt Nam. Cụ thể là các vùng biển của Đại Việt được kết nối với nhau, tạo nên một không gian rộng lớn trải dài từ Bắc chí Nam. Việc các chúa Nguyễn kiểm soát và làm chủ được một vùng biển với nhiều tiềm năng kinh tế to lớn đã tạo tiền đề quan trọng cho triều Nguyễn tiếp tục phát huy những thành quả của công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong những giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Mặc dù đã có những nỗ lực tích cực để nhìn lại những việc làm của các chúa Nguyễn đối với việc xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ nhưng chúng ta khó mà kể hết được những ý nghĩa xoay quanh những hoạt động này. Thế nhưng, xuất phát từ lợi ích quốc gia thì có thể khẳng định rằng về cơ bản những chính sách và việc làm của các chúa Nguyễn hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ. Những chính sách, chiến lược và thành quả mà chúa Nguyễn đã thực hiện trong quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ để lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo vô cùng quý báu cho sự phát triển đất nước hôm nay và mai sau.

Để vận dụng hiệu quả những bài học kinh nghiệm đó, đặc biệt là bài học về thực thi và bảo vệ chủ quyền từ các chúa Nguyễn trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam cần có những chính sách khuyến khích ngư dân ra khơi bám biển và khai thác các sản vật biển (trên các vùng hải phận thuộc chủ quyền của Việt Nam) nhằm khẳng định quyết tâm và khả năng thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo của nhân dân Việt Nam. Đồng thời, căn cứ vào sự vận động của thế giới và thực tiễn phát triển của đất nước thì những bài học về nắm bắt cơ hội, trọng dụng nhân tài,... cũng cần được lưu tâm thực hiện hợp lý, linh hoạt và sáng tạo để thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
2. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2009), *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội.
3. Lê Dân, “Nam Hà tiếp lục”, bản dịch của Trần Đại Vinh, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, Số 3 – 4 (92 – 93), 2012.
4. Li Tana (1999), *Xứ Đàng trong – lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ngô Văn Lệ, “Vùng đất Hà Tiên và việc mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ”, *Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một*, Số 1 – 2011.

6. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Việt (chủ biên) (1983), *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Nhiều tác giả (1970), Chuyên đề Nam tiến của dân tộc Việt Nam, *Tập san sử địa*, số 19 & 20, tháng 7 đến 12/1970.
9. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập 1 (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Thuận Hóa, Huế.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1, (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Trần Thị Mai, "Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (thế kỷ XVII – XIX)", Tạp chí *Phát triển Khoa học & Công nghệ*, Tập 16, số X1 – 2013.
13. Vũ Minh Giang, “Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ”, Tạp chí *Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ*, Số 8 (96) – 2006.
14. Vũ Minh Giang (chủ biên) (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội.